

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa
với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hên đến đường tỉnh 514.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi một số điều Luật
Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải
quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu
tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày
26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định
chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây
dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 sửa đổi, bổ sung
một số điều tại Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4521/QĐ-UBND ngày
31/10/2019 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 2751/QĐ-UBND ngày
01/7/2024 phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Đường nối thành phố
Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hên đến đường tỉnh
514; số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư các Tiểu
dự án giải phóng mặt bằng đối với 05 dự án do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 190/TTr-SXD
ngày 29/5/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối thành phố Thanh
Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hên đến đường tỉnh 514
(kèm theo báo cáo thẩm định số 5698/SXD-HĐXD ngày 29/5/2026).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối
thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hên đến
đường tỉnh 514 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án quy định tại Điều 1 Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “*Hoàn thành trong năm 2025*” thành “*Hoàn thành trong năm 2026*”.

2. Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm xây dựng

Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm xây dựng do thay đổi địa giới hành chính cấp xã tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “*Thuộc địa phận huyện Triệu Sơn và Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa*” thành “*Thuộc địa phận các xã Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du, tỉnh Thanh Hóa*”.

3. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là: **971.987.000.000 đồng** (*Chín trăm bảy mươi một tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu đồng*). Trong đó:

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

STT	Nội dung chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (), giảm (-)
1	Chi phí bồi thường GPMB	389.482.000	455.902.000	66.420.000
1.1	Đoạn qua xã Đồng Tiến	389.482.000.	1.514.000	66.420.000
1.2	Đoạn qua xã An Nông		9.008.000	
1.3	Đoạn qua xã Tân Ninh		183.351.000	
1.4	Đoạn qua xã Hợp Tiến		202.260.000	
1.5	Đoạn qua xã Xuân Du		59.769.000	
2	Chi phí xây dựng	480.206.000	480.206.000	0
3	Chi phí QLDA	5.924.000	5.924.000	0
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	17.759.000	17.759.000	0
5	Chi phí khác	12.196.000	12.196.000	0
6	Chi phí dự phòng	66.420.000	0	-66.420.000
Tổng mức đầu tư		971.987.000	971.987.000	0

(Chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư điều chỉnh kèm theo)

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Xây dựng (Chủ đầu tư phần xây dựng), Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (đơn vị quản lý dự án), UBND các xã: Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du (Chủ đầu tư các Tiểu dự án giải

phóng mặt bằng) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

- Sở Xây dựng, Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa, UBND các xã: Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã: Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hở đến đường tỉnh 514.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Nghìn Đồng.

STT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng (), giảm (-)
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	389.482.000	455.902.000	66.420.000
1	Đoạn qua xã Đồng Tiến	389.482.000	1.514.000	66.420.000
2	Đoạn qua xã An Nông		9.008.000	
3	Đoạn qua xã Tân Ninh		183.351.000	
4	Đoạn qua xã Hợp Tiến		202.260.000	
5	Đoạn qua xã Xuân Du		59.769.000	
II	Chi phí xây dựng	480.206.000	480.206.000	0
III	Chi phí Quản lý dự án	5.924.000	5.924.000	0
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	17.759.000	17.759.000	0
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước Báo cáo NCKT	53.000	53.000	0
2	Chi phí giám sát khảo sát lập Báo cáo NCKT	71.000	71.000	0
3	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo NCKT, TK cắm cọc GPMB và MLG	3.254.000	3.254.000	0
4	Chi phí cắm cọc GPMB và MLG	800.000	800.000	0
5	Chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường	178.000	178.000	0
6	Chi phí khảo sát bước lập BVTC	1.300.000	1.300.000	0
7	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	4.941.000	4.941.000	0
8	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	36.000	36.000	0
9	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	48.000	48.000	0
10	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	283.000	283.000	0
11	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	269.000	269.000	0

STT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng (), giảm (-)
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	5.090.000	5.090.000	0
13	Chi phí giám sát môi trường khi thi công	200.000	200.000	0
14	Chi phí thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng	100.000	100.000	0
15	Chi phí kiểm định, đánh giá chất lượng công trình	1.000.000	1.000.000	0
16	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm công trình)	100.000	100.000	0
17	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn đầu tư	36.000	36.000	0
V	Chi phí khác	12.196.000	12.196.000	0
1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	748.000	748.000	0
2	Chi phí kiểm toán	2.363.000	2.363.000	0
3	Chi phí bảo hiểm công trình	1.201.000	1.201.000	0
4	Chi phí rà phá bom mìn (Tạm tính)	1.245.000	1.245.000	0
5	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây dựng	100.000	100.000	0
6	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu tư vấn đầu tư	18.000	18.000	0
7	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu	50.000	50.000	0
8	Chi phí kiểm tra của CQCM về xây dựng trong quá trình thực hiện	200.000	200.000	0
9	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	49.000	49.000	0
10	Phí thẩm định thiết kế BVTC	48.000	48.000	0
11	Phí thẩm định dự toán xây dựng	44.000	44.000	0
12	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường	6.130.000	6.130.000	0
VI	Chi phí dự phòng	66.420.000	0	-66.420.000
TỔNG CỘNG		971.987.000	971.987.000	0